TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 04 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám
Thẩm phán: Ông Trần Quang Khang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng
Ông Nguyễn Trung Tiến
Ông Huỳnh Mậu Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thuận - Kiểm sát viên và ông Đoàn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hoàng K** (tên gọi khác: T), sinh năm 1986 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp B1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng bộ phận kho Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu TK; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha là Trần Văn T, sinh năm 1955 và mẹ là Đặng Thị T1, sinh năm 1955; có vợ là La Thị Thu N, sinh năm 1993 (đã ly hôn năm 2018), có 01 người con, sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: 01 lần, ngày 24/9/2018, Công an thành phố Bạc Liêu phạt 2.000.000đ về hành vi "Đang có vợ mà chung sống như vợ chồng với người khác". Bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2020 đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Hồng Mơ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hảo thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu TK. Trụ sở tại: Số X, hẻm I, đường T, Phường S, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn K1 - Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Xuân T2 - Phó giám đốc Công ty. (theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2020), (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/01/2017, bị cáo Trần Hoàng K ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu TK (viết tắt Công ty TK), có thời hạn thời hạn 03 năm, kể từ ngày 01/01/2017 với chức vụ: Trưởng bộ phận kho. Bị cáo được ông Trần Tuấn K1 là giám đốc công ty giao quyền quản lý, điều hành các kho và chỉ có quyền xuất hàng bán ra bên ngoài khi có ý kiến chỉ đạo hoặc sự đồng ý của ông K1. Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty TK bằng cách yêu cầu Lê Xuân H (là Thủ kho của kho số 9) xuất nhiều kiện (còn gọi là thùng) tôm thành phẩm từ trong kho số 9 mà không có sự chỉ đạo hoặc không đúng với sự đồng ý của ông K1. Sau đó, bị cáo liên hệ bộ phận xe, tài xế của Công ty TK yêu cầu điều xe và tài xế vận chuyển hàng đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho Nguyễn Thị Ngọc H1, trú tại: Số X/Y/Z, khu phố B, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 10/9/2019, bị cáo báo cáo với ông Trần Tuấn K xuất kho tôm vụn, xấu bán cho Nguyễn Thị Ngọc H1, được ông Khanh đồng ý. Sau đó, bị cáo sử dụng số điện thoại 0932.908811 gọi cho bà H1 nói có người bán tôm xấu, vụn hỏi bà H1 có mua không thì bị cáo mua giúp thì bà H1 đồng ý mua. Bị cáo yêu cầu Lê Xuân H xuất kho 662 kiện tôm thành phẩm, mỗi kiện 10kg (6.620kg) gồm: 350 kiện size 31/40; 210 kiện size 41/50; 102 kiện size 51/60. Sau khi nhận phiếu xuất kho từ H, bị cáo tự lập lại phiếu xuất kho thay đổi số lượng, chủng loại (size) tôm và ký tên vào mục điều hành kho rồi chuyển phiếu xuất kho này cho Đỗ Thị D là kế toán tổng hợp của Công ty TK. D căn cứ vào phiếu xuất kho do bị cáo đưa lập bảng chiết tính giá trị của 552 kiện, thành tiền 433.550.000đ chuyển cho H1 gồm: 114 kiện loại vụn lớn X 10kg/kiện X 90.000đ/kg = 102.600.000đ; 85 kiện vụn xấu X 10kg/kiện X 50.000đ/kg = 42.500.000đ; 68 kiện size 51/60 X 06kg/kiện X 90.000đ/kg = 61.200.000đ; 135 kiện size 61/70 X 06kg/kiện X 85.000đ/kg = 114.750.000đ; 150 kiện size 91/120 X 06kg/kiện X 75.000đ/kg = 112.500.000đ. Còn lại 110 kiện, bị cáo bán cho H1 với tư cách cá nhân. Tài xế Trần Hiếu N là người vận chuyển số hàng này đến thành phố Hồ Chí Minh giao cho Hà. Sau khi nhận được hàng, bà H1 chuyển cho Công ty TK số tiền theo bảng chiết tính giá trị và chuyển vào tài khoản của K mở tại Ngân hàng Đông Á số tiền 94.920.000đ (gồm tiền mua 110 kiện là 67.320.000đ và tiền hoa hồng 27.600.000đ).

Giá trị thành tiền của 662 kiện tôm thành phẩm (6.620kg) vào ngày 10/9/2019 theo Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS, ngày 25/11/2019

của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (viết tắt Kết luận định giá số 32) là 1.240.175.000đ gồm: 350 kiện size 31/40 X 10kg/kiện X 193.000đ/kg = 675.500.000đ; 210 kiện size 41/50 X 10kg/kiện X 184.500đ/kg = 387.450.000đ; 102 kiện size 51/60 X 10kg/kện X 173.750đ/kg = 177.225.000đ. Bị cáo chiếm đoạt của Công ty TK 806.625.000đ (1.240.175.000đ - 433.550.000đ).

- Lần thứ hai: Ngày 27/9/2019, với thủ đoạn như trên, bị cáo yêu cầu Lê Xuân H xuất 585 kiện tôm thành phẩm (4.838kg) gồm: 259 kiện size 41/50, mỗi kiện 10kg; 27 kiện size 71/90, mỗi kiện 10kg; 46 kiện size BM, mỗi kiện 10kg; 133 kiện size 61/70, mỗi kiện 06kg; 120 kiện size 71/90, mỗi kiện 06kg. Sau khi nhận phiếu xuất kho từ H, bị cáo tự lập lại phiếu xuất kho thay đổi số lượng, chủng loại (size) tôm và ký tên vào mục điều hành kho rồi chuyển phiếu xuất kho này cho Đỗ Thị D. D căn cứ vào phiếu xuất kho do bị cáo đưa lập bảng chiết tính giá trị 441 kiện, thành tiền 363.600.000đ chuyển cho H1 gồm: 41 kiện loại vụn lớn X 10kg/kiện X 90.000đ/kg = 36.900.000đ; 08 kiện vụn xấu X 10kg/kiện X 50.000đ/kg = 5.000.000đ; 182 kiện size 61/70 X 10kg/kiện X 85.000đ/kg = 154.700.000đ; 210 kiện size 71/90 X 06kg/kiện X 80.000đ/kg = 168.000.000đ. Còn lại 144 kiện, bị cáo bán cho H1 với tư cách cá nhân. Tài xế Nguyễn Hồng V là người vận chuyển số hàng này đến thành phố Hồ Chí Minh giao cho H1. Sau khi nhận được hàng, H1 chuyển cho Công ty TK số tiền theo bảng chiết tính giá trị và chuyển vào tài khoản của K mở tại Ngân hàng Đông Á với số tiền 91.800.000đ.

Qua định giá, bị cáo chiếm đoạt của Công ty TK là 527.808.000đ (891.408.000đ - 363.600.000đ).

- Lần thứ ba: Ngày 23/10/2019, bị cáo báo cáo với ông Trần Tuấn K1 xuất kho tôm vụn, xấu bán cho Nguyễn Thị Ngọc H1, được ông K1 đồng ý. Bị cáo yêu cầu Lê Xuân H xuất kho 462 kiện tôm thành phẩm, mỗi kiện 10kg (4.620kg) gồm: 427 kiện size BM (Thẻ) và 35 kiện size BM (Sú). Sau khi nhận phiếu xuất kho từ Hữu, bị cáo tự lập lại phiếu xuất kho thay đổi số lượng, chủng loại (size) tôm và ký tên vào mục điều hành kho rồi chuyển phiếu xuất kho này cho Đỗ Thị D. D căn cứ phiếu xuất kho bị cáo đưa lập bảng chiết tính giá trị 248 kiện, thành tiền 230.200.000đ chuyển cho H1, gồm: 04 kiện thẻ xấu X 10kg/kiện X 50.000đ/kg = 2.000.000đ;158 kiện thẻ vụn X 10kg/kiện X 90.000đ/kg = 142.200.000đ; 86 kiện sú vụn X 10kg/kiện X 100.000đ/kg = 86.000.000đ. Còn lại 214 kiện, bị cáo bán cho H1 với tư cách cá nhân. Tài xế Hồng Thanh H2 là người vận chuyển số hàng này đến thành phố Hồ Chí Minh giao cho H1. Sau khi nhận được hàng, H1 chuyển cho Công ty TK số tiền theo bảng chiết tính giá trị và chuyển vào tài khoản của K mở tại Ngân hàng Đông Á số tiền 136.425.000đ.

Qua giám định, bị cáo chiếm đoạt của Công ty TK là 203.800.000đ (434.000.000đ - 230.200.000đ).

- Lần thứ tư: Do nhiều lần chiếm đoạt tôm thành phẩm của Công ty TK không bị phát hiện nên ngày 30/10/2019, bị cáo tiếp tục yêu cầu Lê Xuân H xuất 853 kiện tôm thành phẩm, mỗi kiện 10kg gồm: 02 kiện size 16/20, 16 kiện size 21/25, 01 kiện size 26/30, 392 kiện size 31/40, 113 kiện size 41/50, 74 kiện 61/70, 73 kiện size 71/90, 61 kiện size 91/120, 33 kiện size 100/200, 76 kiện size 200/300 và 12 kiện size 300/500 mà không có ý kiến hoặc sự chỉ đạo của ông Trần Tuấn K1. Tài xế Lưu Minh T3 là người vận chuyển số hàng này đến thành phố Hồ Chí Minh giao cho H1. Sau khi nhận được hàng, H1 chuyển vào tài khoản của K mở tại Ngân hàng Đông Á số tiền 552.000.000đ (gồm tiền mua 853 kiện là 543.787.500đ và tiền hoa hồng 8.212.500đ). Qua giám định, chiếm đoạt của Công ty TK tất cả số tiền này là 1.871.425.000đ.

Ngày 03/11/2019, ông Trần Tuấn K1 phát hiện hành vi chiếm đoạt của bị cáo nên đến Công an Phường 5, thành phố Bạc Liêu trình báo sự việc. Cùng ngày, bị cáo bị mời làm việc và đã thừa nhận đã chiếm đoạt 04 lần nêu trên là 3.409.658.000đ (806.625.000đ + 527.808.000đ + 203.800.000đ + 1.871.425.000đ).

Tại Cáo trạng số: 13/CT-VKS-P1 ngày 07/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Trần Hoàng Khanh về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K từ 14 đến 15 năm tù về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện bị hại, buộc bị cáo Trần Hoàng K bồi thường số tiền còn lại cho Công ty TK là 588.233.000đ. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 7 plus màu đen; tịch thu và tiêu hủy 01 sim số 0949914194, số seri 89840-20004-07117-48327.

Bị cáo xác định trong quá trình điều tra không bị ép cung hay hướng dẫn khai không đúng, việc điều tra truy tố và xét xử bị cáo tại phiên tòa hôm nay là không bị oan. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền còn lại 588.233.000đ cho Công ty TK và yêu cầu nhận lại điện thoại. Bị cáo xin được mức án thấp nhất, dưới khung hình phạt để yên tâm cải tạo, sớm trở về gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với Cáo trạng về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo và xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, đại diện bị hại cũng có yêu cầu giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình.

Bà Phan Xuân T2, đại diện Công ty TK, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 588.233.000đ và xem xét giảm án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, nên hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận giám định nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/9/2019 đến ngày 30/10/2019, bị cáo Trần Hoàng K đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là Trưởng bộ phận kho để yêu cầu thủ kho Lê Xuân H xuất kho 04 lần tổng số 2.562 kiện tôm thành phẩm (24.608kg) từ kho số 9 của Công ty TK bán cho người khác. Trong đó, có 03 lần ông Trần Tuấn K1 là giám đốc Công ty đồng ý nhưng bị cáo xuất hàng không đúng chủng loại, số lượng để chiếm đoạt và 01 lần tự ý xuất kho đã chiếm đoạt của Công ty TK tổng số tiền 3.409.658.000đ, cụ thể: Ngày 10/9/2019, bị cáo yêu cầu xuất kho 662 kiện tôm thành phẩm (6.620kg), giá trị tài sản bị chiếm đoạt 806.625.000đ; ngày 27/9/2019, bị cáo yêu cầu xuất kho 585 kiện tôm thành phẩm (4.838kg), giá trị tài sản bị chiếm đoạt 527.808.000đ; ngày 23/10/2019, bị cáo yêu cầu xuất kho 462 kiện tôm thành phẩm (4.620kg), giá trị tài sản bị chiếm đoạt 203.800.000đ; ngày 30/10/2019, bị cáo yêu cầu xuất kho 853 kiện tôm thành phẩm (8.530kg), giá trị tài sản bị chiếm đoạt 1.871.425.000đ là có xảy ra trên thực tế.

[3] Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là Trưởng bộ phận kho để yêu cầu thủ kho xuất kho 04 lần tổng số 2.562 kiện tôm thành phẩm (24.608kg) từ kho số 9 của Công ty TK bán cho người khác nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty TK do bị cáo hiện nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" được quy định tại Điều 355 Bộ luật Hình sự. Số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 01 tỷ đồng nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản và hoạt động đúng đắn của tổ chức mà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm, cần cách lý bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần thiệt hại cũng như tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt lần thứ 4 đã thu hồi, đại diện theo ủy quyền của bị hại có yêu cầu giảm án cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 588.233.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo Trần Hoàng K phải bồi thường cho Công ty TK số tiền 588.233.000đ.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, Iphone 7 plus màu đen số seri C37SWNKWHFY7, và sim số 0949914194 (số seri 89840-20004-07117-48327), tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu nhận lại điện thoại. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo xác định có sử dụng điện thoại này để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Đối với sim số 0949914194 (số seri 89840-20004-07117-48327) không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[8] Đối với Nguyễn Thị Ngọc H1, Lê Xuân H và Đỗ Thị D, Nguyễn Phước T3, Nguyễn Quốc K3, Trần Hiếu N, Nguyễn Hồng V, Hồng Thanh H2 và Lưu Minh T4 là người mua tôm, phụ trách kế toán, bộ phận kho, bộ phân xe cũng như tài xế không biết bị cáo chiếm đoạt của Công ty TK nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu không xử lý hình sự là phù hợp.

[9] Như đã phân tích, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt, bồi thường thiệt hại, vật chứng đối với bị cáo. Chấp nhận lời đề nghị của Luật sư về việc xem xét cho bị cáo được giảm án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Hoàng K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 27.529.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng K (tên gọi khác: T) phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 10/01/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Hoàng K phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu TK số tiền 588.233.000đ (năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm ba mươi ba ngàn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, Iphone 7 plus màu đen số seri C37SWNKWHFY7.

Tịch thu và tiêu hủy: Sim số 0949914194 (số seri 89840-20004-07117-48327).

(Các vật chứng nêu trên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 14/5/2020, bút lục 720).

5. Về án phí: Áp dụng các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Hoàng K (T) phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 27.529.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đại diện bị hại có quyền kháng cáo bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Tám

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQĐT Công an tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Sở Tư Pháp (01b);
- Bị cáo (01b);
- Luật sư (01b);
- Bị hại (01b);
- Lưu.